

BẢN SAO

**CÔNG TY TNHH MTV ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ - NEAD**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
THÔNG TIN CHUNG	2 - 3
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10- 33

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Ứng dụng và Phát triển Công nghệ - Nead tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước trực thuộc Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam được thành lập bởi Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường theo quyết định số 617/QĐ-BKHCMNT ngày 22 tháng 3 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Ngày 20 tháng 9 năm 2013, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Quyết định số 2909/QĐ-BKHCMNT về việc chuyển đổi Công ty Ứng dụng và Phát triển Công nghệ thành Công ty TNHH MTV trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000884 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày ngày 20 tháng 5 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 31/12/2013.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : số 59 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04.3942.3590

Fax : 04.3942.4215

Mã số thuế: 0 1 0 1 2 6 4 5 0 6

Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

- Tư vấn chuyên gia công nghệ đầu tư trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân, công nghệ bức xạ.
- Thực hiện các dịch vụ khoa học, công nghệ trong ngành năng lượng hạt nhân, công nghệ bức xạ, an toàn và kiểm soát bức xạ, công nghệ môi trường, tin học, viễn thông, điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Thi công xây lắp các công trình khoa học, kỹ thuật dân dụng, điều hòa không khí, kỹ thuật lạnh, bức xạ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực: năng lượng hạt nhân, an toàn bức xạ, công nghệ sinh học; y tế; thiết bị tin học, viễn thông; thiết bị dân dụng và công nghiệp, phương tiện vận tải, thiết bị công trình thiết bị lạnh và điều hòa không khí; hóa chất và các thiết bị hóa phục vụ thí nghiệm và sản xuất, vật tư, thiết bị văn phòng, hàng hóa và tư liệu tiêu dùng; tư liệu sản xuất;
- Kinh doanh sách tạp chí khoa học kỹ thuật trên giấy và đĩa CD-ROM;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh vật tư, hàng hóa công nghiệp và tiêu dùng dân dụng;
- Thực hiện các dịch vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực kiểm tra, kiểm định bằng phương pháp không phá hủy (NDT);
- Đào tạo, hướng dẫn nghề nghiệp, nghiệp vụ chuyên môn cho các cán bộ, nhân viên kỹ thuật trong lĩnh vực kiểm tra, kiểm định bằng phương pháp không phá hủy (NDT), an toàn bức xạ theo quy định của pháp luật;
- Đầu tư phát triển công nghệ vật liệu mới, nguồn năng lượng mới;
- Kinh doanh xăng dầu và gas;
- Khai thác, thu gom các kim loại màu (trừ quặng urani và thorium): silicatziacom, ilmennite, monazite, dioxyt titan;
- Khai thác, thu gom các loại quặng kim loại;
- Khai thác đá sa thạch;
- Thực hiện các dịch vụ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong lĩnh vực xử lý chất thải bảo vệ môi trường;

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TNHH MTV ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ - NEAD

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

- Mua bán, tái chế phế liệu, phế phẩm;
- Kinh doanh, lắp đặt và bảo trì thang máy, cầu thang và băng chuyền tự động;
- Kinh doanh vật tư, trang thiết bị bảo hộ lao động./.

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Ban điều hành của Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc Ông Bùi Đăng Hòa Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Xuân Đông Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng phòng Kế toán

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm đến đến ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Đăng Hòa - Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội- Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TNHH MTV ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ - NEAD

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng và Phát triển Công nghệ - Nead (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 33. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Ứng dụng và Phát triển Công nghệ - Nead tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Đăng Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2018



THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL
MEMBER OF EURA AUDIT INTERNATIONAL

EuraAuditInternational

Số : 060/2018/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Ứng dụng và Phát triển Công nghệ - Nead

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Ứng dụng và Phát triển Công nghệ - Nead, được lập ngày 10 tháng 4 năm 2017, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính .

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính .

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm cuối năm, đơn vị chưa thực hiện đánh giá lại công nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC. Theo đó, kết quả kinh doanh đang phản ánh cao hơn một số do lỗ chênh tỷ giá chưa thực hiện ước tính với số tiền là 5.326.792.474 đồng.

CHI NHÁNH HÀ NỘI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính: Số 17, ngõ 36/4, phố Lương Đình Của, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84-4) 666.40423 * Fax: (+84-4) 666.40423 * Hotline: 0979 293 888

Website: www.hvac.com.vn * Email: tinhbt.hvac@gmail.com / cnha.hvac@gmail.com

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Ứng dụng và Phát triển Công nghệ - Nead tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một doanh nghiệp khác kiểm toán và được điều chỉnh lại theo Biên bản Kiểm toán Nhà Nước vào tháng 12 năm 2017.



Bùi Thị Tĩnh
Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1027-2018-098-1

Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2018

Lê Thị Liên
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1429-2018-098-1



PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Trung Kiên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		321.254.509.303	493.622.955.004
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.817.106.540	47.287.558.363
1. Tiền	111		29.817.106.540	47.287.558.363
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.977.404.551	95.087.613.124
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	240.825.019.077	82.613.253.171
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.010.809.532	8.474.641.023
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		40.000.000	20.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	13.583.774.942	7.461.917.930
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(3.482.199.000)	(3.482.199.000)
III- Hàng tồn kho	140	V.4	21.192.635.863	315.514.122.629
1. Hàng tồn kho	141		21.192.635.863	315.514.122.629
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		5.267.362.349	35.733.660.888
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.267.362.349	35.733.660.888
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.207.269.746	3.862.787.573
I- Tài sản cố định	220		3.207.269.746	3.862.787.573
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	3.207.269.746	3.862.787.573
- Nguyên giá	222		6.226.997.074	6.157.506.165
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.019.727.328)	(2.294.718.592)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		324.461.779.049	497.485.742.577

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu B 01-DN	
			31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		316.179.327.799	489.497.819.339
I- Nợ ngắn hạn	310		316.179.327.799	489.497.819.339
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	235.295.827.906	371.190.209.216
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.882.238.345	45.194.988.752
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	V.8	3.831.514.769	2.664.523.934
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	2.259.578.532	553.043.056
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	1.819.009.334	1.912.038.400
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	65.726.519.077	66.980.000.076
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.364.639.836	1.003.015.905
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.282.451.250	7.987.923.238
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.12	8.282.451.250	7.987.923.238
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.700.000.000	5.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền	411a			
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.582.451.250	2.287.923.238
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến	421a			
LNST chưa phân phối kỳ này	421b			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		324.461.779.049	497.485.742.577



Lê Thị Thuần
 Người lập biểu



Nguyễn Xuân Đông
 TP. Kế toán



Bùi Đăng Hòa
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	467.939.840.028	759.996.116.902
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	15.214.795	6.086.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		467.924.625.233	759.990.030.902
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	432.559.070.775	680.678.850.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.365.554.458	79.311.180.621
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	86.109.155	4.182.058.374
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.672.328.333	8.404.186.044
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.672.328.333	1.084.737.379
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	19.718.610.920	58.648.942.590
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	8.930.639.645	10.721.973.648
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		130.084.715	5.718.136.713
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.585.750.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	390.907.730	1.730.195.433
13. Lợi nhuận khác	40		1.194.842.270	(1.730.195.433)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.324.926.985	3.987.941.280
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	343.166.943	1.143.627.343
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		981.760.042	2.844.313.937



Lê Thị Thuần
 Người lập biểu



Nguyễn Xuân Đông
 TP. Kế toán



Bùi Đăng Hòa

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.324.926.985	1.959.812.126
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	725.008.736	485.260.794
- Các khoản dự phòng	03	-	(110.942.444)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(86.109.155)	(4.092.174.088)
- Chi phí lãi vay	06	6.672.328.333	1.084.737.379
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu	08	8.636.154.899	(673.306.233)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(139.423.492.888)	25.466.306.887
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	294.321.486.766	(273.274.729.886)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải	11	(173.587.370.227)	(2.640.383.625)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	132.988.890
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.559.429.221)	(637.411.656)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(620.938.399)	(458.180.658)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(16.233.589.070)	(252.084.716.281)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các	21	(69.490.909)	(3.051.894.360)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	86.109.155	4.092.174.088
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	16.618.246	1.040.279.728
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	198.758.239.988	159.746.123.886
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(200.011.720.987)	(96.854.623.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.253.480.999)	62.891.500.076
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(17.470.451.823)	(188.152.936.477)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	47.287.558.363	235.440.494.840
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	29.817.106.540	47.287.558.363



Lê Thị Thuần
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Đông
TP. Kế toán



Bùi Đăng Hòa
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Ứng dụng và Phát triển Công nghệ - Nead tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước trực thuộc Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam được thành lập bởi Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường theo quyết định số 617/QĐ-BKHCMNT ngày 22 tháng 3 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Ngày 20 tháng 9 năm 2013, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Quyết định số 2909/QĐ-BKHCMNT về việc chuyển đổi Công ty Ứng dụng và Phát triển Công nghệ thành Công ty TNHH MTV trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000884 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày ngày 20 tháng 5 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 31/12/2013.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : số 59 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04.3942.3590

Fax : 04.3942.4215

Mã số thuế: 0 1 0 1 2 6 4 5 0 6

2. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất kinh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá mười hai tháng.

3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty hoạt động duy nhất tại 59 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán trong năm tài chính 2016 được trình bày mang tính so sánh.

6. Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 30 người.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

1. Chế độ kế toán áp dụng.

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Chế độ kế toán áp dụng. (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

Công ty không áp dụng nội dung này.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính .
 - Công ty đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hoặc tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả:
 - Công ty đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính .

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

Công ty không áp dụng nội dung này.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;
- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;
- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.
- Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho.
 - ⊕ Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
 - ⊕ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
 - ⊕ Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
 - ⊕ Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;
- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước.

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Các khoản nợ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn, các khoản nợ có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm các chi phí duy tu, sửa chữa lớn tài sản cố định được trích trước và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhằm đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống....

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

Công ty không áp dụng nội dung này.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo quyết định số 2909/QĐ-BKHCN với vốn điều lệ là 5.700.000.000 đồng.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng;

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- Doanh thu cung cấp dịch vụ;

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Doanh thu hoạt động tài chính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức...

- Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, Cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Thu nhập khác.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- ...
- Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng.

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng phát sinh là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế khác.

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)
 - Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối bán hàng nội địa.
 - Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế khác
 - Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	616.403.197	2.885.130.072
Tiền gửi ngân hàng	29.200.703.343	44.402.428.291
Cộng	29.817.106.540	47.287.558.363

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	240.825.019.077	82.613.253.171
<i>Công ty cổ phần đường Quảng Ngãi</i>	<i>221.796.293.270</i>	<i>50.374.942.357</i>
<i>Công ty TNHH Giấy Hưng Hà</i>	<i>1.230.235.656</i>	<i>1.006.133.901</i>
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Mời xem phần TM Giao dịch với các bên liên quan)	-	-
Cộng	240.825.019.077	82.613.253.171

MÀU. B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

3. PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND		VND	
<i>a) Ngân hạn</i>	13.583.774.942	-	7.461.917.930	-
- Tạm ứng	11.212.435.091	-	2.948.978.680	-
- Ký cược, ký quỹ;	491.398.642	-	249.461.062	-
- Phải thu khác.	1.879.941.209	-	4.263.478.188	-
Khoản HD06PG/Nead-11 dây truyền nghiên cứu	912.288.000	-	912.288.000	-
Công ty TNHH Hương liệu Việt Trung	-	-	1.580.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Vỹ	-	-	950.000.000	-
Lãi dự thu	-	-	729.148.611	-
Thuế GTGT nhà thầu	682.450.285	-	-	-
Khác	285.202.924	-	92.041.577	-
Cộng	13.583.774.942	-	7.461.917.930	-

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND		VND	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.773.974.846	-	70.989.988.988	-
Hàng hoá	17.416.981.017	-	244.524.433.641	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	21.190.955.863	-	315.514.122.629	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5. NỢ XẤU

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
	(3.482.199.000)	(3.482.199.000)
	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
	(806.000.000)	(806.000.000)
	(276.199.000)	(276.199.000)
	(3.482.199.000)	(3.482.199.000)

- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;

Công ty Cổ phần xi măng Hoàng Long

Công ty CP TM và XNK An Phú

TCT Cổ phần Miền Trung

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư 01/01/2017	1.423.826.950	370.583.156	4.363.096.059	6.157.506.165
Tăng trong năm	-	69.490.909	-	69.490.909
Mua trong năm	-	69.490.909	-	69.490.909
Số dư 31/12/2017	1.423.826.950	440.074.065	4.363.096.059	6.226.997.074
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư 01/01/2017	494.339.253	168.212.743	1.632.166.596	2.294.718.592
Tăng trong năm	73.522.644	107.938.112	543.547.980	725.008.736
Khấu hao trong năm	73.522.644	107.938.112	543.547.980	725.008.736
Số dư 31/12/2017	567.861.897	276.150.855	2.175.714.576	3.019.727.328
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	929.487.697	202.370.413	2.730.929.463	3.862.787.573
Tại ngày 31/12/2017	855.965.053	163.923.210	2.187.381.483	3.207.269.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MẪU B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

7. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	235.295.827.906	235.295.827.906	371.190.209.216	371.190.209.216
Guangxi Nanning China Europe Trading Co., Ltd	4.834.090.356	4.834.090.356	4.834.090.356	4.834.090.356
Guangxi Mingyang Import and Export Trade Company LTD	114.998.234.812	114.998.234.812	299.082.503.676	299.082.503.676
Công ty cổ phần phát triển chịu lửa Novaref	3.776.890.175	3.776.890.175	-	-
Công ty CP Tập đoàn Toji	18.740.956.737	18.740.956.737	31.870.493.770	31.870.493.770
Công ty CP Linama 69-I	62.653.813.115	62.653.813.115	14.388.435.923	14.388.435.923
Công ty TNHH KSB- AG Patadex Solution	1.704.484.502	1.704.484.502	1.704.484.502	1.704.484.502
Công ty CPTM Kỹ Thuật Hải Anh	1.622.600.000	1.622.600.000	2.729.224.850	2.729.224.850
Công ty CPCK & Lắp máy Đại Hân	1.395.251.800	1.395.251.800	1.395.251.800	1.395.251.800
Công ty CP giám định và khử trùng FCC	426.960.000	426.960.000	88.950.000	88.950.000
Khác	25.142.546.409	25.142.546.409	15.096.774.339	15.096.774.339
Cộng	235.295.827.906	235.295.827.906	371.190.209.216	371.190.209.216

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2017		Số đã thực nộp trong năm		01/01/2017	
	VND	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	VND	VND	
a) Phải nộp (chỉ tiết theo từng loại thuế)	551.522.519	343.166.943	620.938.399	829.293.975	829.293.975	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	402.668.150	365.737.155	433.461.018	470.392.013	470.392.013	
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.000.000	2.000.000	-	-	
Thuế tài nguyên	2.877.324.100	1.512.486.154	-	1.364.837.946	1.364.837.946	
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	
Cộng	3.831.514.769	2.223.390.252	1.056.399.417	2.664.523.934	2.664.523.934	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.259.578.532	553.043.056
<i>Trích trước tiền lãi vay phải trả</i>	2.259.578.532	553.043.056
Trích chi phí vận chuyển xuất contener chứa phóng xạ	593.636.364	-
<i>Khác</i>	1.665.942.168	-
Cộng	2.259.578.532	553.043.056

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	219.690.947	144.251.454
Bảo hiểm xã hội	118.907.110	279.175.669
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.480.411.277	1.488.611.277
<i>Vốn góp của các cá nhân vào dự án đã</i>	<i>968.776.000</i>	<i>968.776.000</i>
<i>Lợi nhuận phải nộp</i>	<i>181.708.099</i>	
<i>Khác</i>	<i>329.927.178</i>	<i>519.835.277</i>
Cộng	1.819.009.334	1.912.038.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MÁU B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2017	Từ 01/01/2017	đến 31/12/2017	01/01/2017	
	VND				
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
				Giá trị	
				Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	65.726.519.077	65.726.519.077	198.758.239.988	200.011.720.987	66.980.000.076
Vay ngắn hạn ngân hàng Ngân hàng BIDV Thanh Xuân (1)	37.970.282.078	37.970.282.078	163.772.739.988	185.802.457.986	60.000.000.076
NH TMCP Đông Nam Á (2)	813.320.332	813.320.332	-	586.679.668	1.400.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - CN Hoàng Quốc Việt	1.535.416.667	1.535.416.667	1.675.000.000	139.583.333	-
Các tổ chức và cá nhân khác (3)	25.407.500.000	25.407.500.000	33.310.500.000	13.483.000.000	5.580.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Cộng	65.726.519.077	65.726.519.077	198.758.239.988	200.011.720.987	66.980.000.076

(1) Vay Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng hạn mức 01/2015/146257/HHTD ngày 26/12/2015, số tiền vay được giải ngân 29.871.321.767 đồng và 8.098.960.311 đồng thời hạn vay là 04 tháng từ ngày 20/12/2017, lãi suất 8,5%/năm mục đích vay cho dự án QNS theo LC số 22282000217666 và 22282000217657.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng số 2017/CA-NEAD; Số tiền vay là 1.675.000.000 đồng; Thời hạn vay 36 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn.

(3) Khoản vay cá nhân có thời hạn từ 3 -12 tháng. Lãi suất cho vay từ 0,8-1%/tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Mục đích cho vay là tín chấp.

MÀU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	5.700.000.000	2.287.923.238	-	7.987.923.238
Lãi trong năm nay	-	-	981.760.042	981.760.042
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	294.528.012	(294.528.012)	-
Trích Quỹ khen thưởng	-	-	(474.665.598)	(474.665.598)
Trích quỹ ban điều hành	-	-	(30.858.333)	(30.858.333)
Lợi nhuận còn phải nộp	-	-	(181.708.099)	(181.708.099)
Số dư tại 31/12/2017	5.700.000.000	2.582.451.250	-	8.282.451.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn góp của Nhà nước	5.700.000.000	5.700.000.000
Vốn góp của đối tượng khác		
Cộng	5.700.000.000	5.700.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	5.700.000.000	5.700.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	5.700.000.000	5.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Tiếp theo)

6. CHI PHÍ KHÁC - THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản khác	1.585.750.000	-
Cộng	1.585.750.000	-

Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Nộp phạt tiền chậm nộp thuế	15.884.824	-
Khác	375.022.906	1.730.195.433
Cộng	390.907.730	1.730.195.433

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>8.930.639.645</i>	<i>7.239.774.648</i>
Chi phí nhân viên	4.167.624.780	3.540.587.300
Chi phí Khấu hao TSCĐ	725.008.736	419.171.128
Thuế, phí và lệ phí	2.000.000	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.506.509.722	1.552.824.991
Chi phí bằng tiền khác	1.529.496.407	1.725.191.229
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<i>19.718.610.920</i>	<i>65.410.880.138</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.644.402.998	56.893.572.487
Chi phí bằng tiền khác	7.074.207.922	8.517.307.651
Cộng	28.649.250.565	72.650.654.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Tiếp theo)

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	343.166.943	738.001.512
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	343.166.943	738.001.512

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác nhau và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.324.926.985	1.959.812.126
+ Các khoản điều chỉnh tăng	390.907.730	1.730.195.433
<i>Các khoản chi không được trừ</i>	<i>390.907.730</i>	<i>1.730.195.433</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	1.715.834.715	3.690.007.559
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	343.166.943	738.001.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	343.166.943	738.001.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 “Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng”.

2. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Công ty đã thận trọng nhận định rằng không tồn tại các sự kiện không có trong kế hoạch hoặc chưa được dự tính, dẫn đến khả năng có thể thu được lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp để trình bày phần thuyết minh Báo cáo tài chính là một tài sản tiềm tàng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 “Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng”.

3. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Số dư đầu kỳ được lấy theo số liệu của kiểm toán độc lập năm 2016 đã được điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán Nhà Nước vào tháng 12 năm 2017.

5. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Công ty không phát sinh sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính năm nay.

Lê Thị Thuần
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Đông
TP. Kế toán



Bùi Đăng Hòa
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2018